

Số: 246/2025/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Điều lệ sửa đổi, Quy chế hoạt động của HĐQT

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59 ngày 17 tháng 6 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Đức Giang – Công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-ĐHĐCĐ 2025 ngày 21/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Đức Giang – Công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị quyết số 245/NQ-HĐQT ngày 11/07/2025 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Đức Giang – Công ty cổ phần.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Điều lệ sửa đổi đã thông qua tại ĐHĐCĐ, Quy chế hoạt động của HĐQT” của Tổng Công ty Đức Giang – Công ty cổ phần. Nội dung chi tiết theo bản đính kèm Quyết định này.
- Điều 2.** Giao cho Ông Hoàng Vệ Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty tổ chức triển khai thực hiện Quy chế của Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty.
- Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các Phòng/Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VPHĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Vệ Dũng

MỤC LỤC

Trang

CHƯƠNG I GIẢI THÍCH TỪ NGỮ.....4

Điều 1. Giải thích từ ngữ4

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....6

Điều 2. Hình thức, tên, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của DUGARCO6

Điều 3. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của DUGARCO6

Điều 4. Thời gian hoạt động của DUGARCO.....12

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của DUGARCO.....13

CHƯƠNG III VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU.....13

Điều 6. Vốn điều lệ.....13

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần15

Điều 8. Thừa kế cổ phần.....15

Điều 9. Mua lại cổ phần, điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại.....15

Điều 10. Thu hồi cổ phần17

Điều 11. Cổ phiếu.....18

Điều 12. Cổ phiếu quỹ.....19

Điều 13. Trái phiếu công ty19

Điều 14. Niêm yết và đăng ký giao dịch chứng khoán19

CHƯƠNG IV CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT19

Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của DUGARCO19

CHƯƠNG V CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG20

Điều 16. Quy định chung về cổ đông20

Điều 17. Quyền của cổ đông.....20

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông22

Điều 19. Sổ đăng ký cổ đông của DUGARCO23

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông.....23

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....23

Điều 22. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông25

Điều 23. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....26

Điều 24. Thay đổi các quyền.....27

Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông28

Điều 26. Thông báo, chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông28

Điều 27. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông29

Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông31

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông32

Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông33

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....33

CHƯƠNG VI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ34



Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ.....	34
Điều 33. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	34
Điều 34. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị	35
Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị	37
Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	38
Điều 37. Việc khuyết thành viên Hội đồng quản trị.....	38
Điều 38. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị.....	39
Điều 39. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	39
Điều 40. Người phụ trách quản trị công ty	43
CHƯƠNG VII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC.....	44
Điều 41. Tổng giám đốc	44
Điều 42. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc	44
Điều 43. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc	45
Điều 44. Bộ máy giúp việc	46
Điều 45. Việc ủy quyền - ủy nhiệm của Tổng giám đốc.....	46
Điều 46. Việc từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc	47
CHƯƠNG VIII NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DUGARCO.....	47
Điều 47. Nghĩa vụ của người quản lý DUGARCO	47
CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT.....	48
Điều 48. Thành phần và nhiệm kỳ.....	48
Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	48
Điều 50. Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	49
Điều 51. Hoạt động của Ban kiểm soát	51
Điều 52. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	51
CHƯƠNG X QUAN HỆ CỦA DUGARCO VỚI CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC DUGARCO VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, CÔNG TY TỰ NGUYỆN THAM GIA LIÊN KẾT VỚI DUGARCO.....	52
Điều 53. Đơn vị phụ thuộc.....	52
Điều 54. Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.....	54
Điều 55. Công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh và công ty ở nước ngoài	55
Điều 56. Công ty liên kết.....	56
Điều 57. Công ty tự nguyện tham gia liên kết với DUGARCO.....	56
Điều 58. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo uỷ quyền của DUGARCO	57
CHƯƠNG XI QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ DUGARCO.....	59
Điều 59. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	59
Điều 60. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Ban kiểm soát.....	59
Điều 61. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	59

CHƯƠNG XII CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	60
Điều 62. Chế độ tuyển dụng	60
CHƯƠNG XIII NĂM TÀI CHÍNH, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ	60
Điều 63. Năm tài chính	60
Điều 64. Trích lập quỹ	60
Điều 65. Cổ tức.....	60
Điều 66. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ	62
CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN	62
Điều 67. Tài khoản ngân hàng.....	62
Điều 68. Hệ thống kế toán	62
Điều 69. Kiểm toán	62
CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, BÁO CÁO RA CÔNG CHÚNG	63
Điều 70. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	63
Điều 71. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	63
CHƯƠNG XVI TỔ CHỨC LẠI DUGARCO, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	63
Điều 72. Tổ chức lại DUGARCO.....	63
Điều 73. Chấm dứt hoạt động.....	64
Điều 74. Thanh lý	64
CHƯƠNG XVII TRANH CHẤP, TỔ TỤNG	65
Điều 75. Tranh chấp, tố tụng	65
Điều 76. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ	65
CHƯƠNG XVIII CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....	65
Điều 77. Con dấu	65
Điều 78. Thẻ thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ	66
Điều 79. Ngày hiệu lực	66

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của **Tổng công ty Đức Giang - Công ty cổ phần** (dưới đây gọi tắt là DUGARCO), là doanh nghiệp được đăng ký lại theo loại hình công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ – công ty con.

Điều lệ, các quy định của DUGARCO, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với pháp luật có liên quan sẽ là những quy định ràng buộc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của DUGARCO.

Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ III này được Đại hội đồng cổ đông của DUGARCO thông qua theo nghị quyết ĐHĐCĐ hợp lệ ngày 21 tháng 04 năm 2025

CHƯƠNG I GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a. "*Vốn điều lệ*" là số vốn do tất cả cổ đông đã góp và được quy định tại khoản 1, Điều 9 Điều lệ này.
 - b. "*Điều lệ hoặc Điều lệ DUGARCO*" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đức Giang-CTCP.
 - c. "*Ngày thành lập*" là ngày mà DUGARCO được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
 - d. "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
 - e. "*Pháp luật*" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 và các Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm.
 - f. "*Cổ đông*" là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của DUGARCO và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của DUGARCO.
 - g. "*Người quản lý*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và

- các chức danh quản lý được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm gồm: Người đứng đầu Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh; Trưởng, Phó các Phòng, ban chuyên trách hoặc những chức danh mà Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết.
- h. "*Người đại diện theo ủy quyền*" là cá nhân được cổ đông là tổ chức của DUGARCO ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình tại DUGARCO theo quy định của Điều lệ.
 - i. "*Người có liên quan*" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2020.
 - j. "*Địa bàn kinh doanh*" là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - k. "*Đơn vị hạch toán phụ thuộc*" là các đơn vị do Hội đồng quản trị DUGARCO quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, bao gồm: văn phòng đại diện, chi nhánh, địa điểm kinh doanh và các đơn vị phụ thuộc khác (nếu có).
 - l. "*Đầu tư vốn*" là hoạt động dùng vốn, tài sản của DUGARCO để đầu tư, mua cổ phần/phần vốn góp, góp vốn vào doanh nghiệp khác hoặc cùng với doanh nghiệp khác góp vốn thành lập doanh nghiệp mới.
 - m. "*Đầu tư nội bộ DUGARCO*" là hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định...trong nội bộ DUGARCO.
 - n. "*Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của DUGARCO*" là doanh nghiệp có cổ phần hoặc vốn góp của DUGARCO chiếm trên 50% vốn điều lệ.
 - o. "*Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp không chi phối của DUGARCO*" là doanh nghiệp có cổ phần hoặc vốn góp của DUGARCO chiếm từ 50% vốn điều lệ trở xuống.
 - p. "*Luật chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm.
 - q. "*Vốn có quyền biểu quyết*" là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu tới cũng sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải thích trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh), sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 2. Hình thức, tên, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của DUGARCO

1. Hình thức:

DUGARCO tổ chức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân; có con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật; hoạt động theo Điều lệ của DUGARCO và Luật Doanh nghiệp.

DUGARCO có đầy đủ các quyền về sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của mình theo quy định của pháp luật.

2. Tên Tổng công ty:

Tên viết bằng tiếng Việt : TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG-CÔNG TY CỔ PHẦN.

Tên viết bằng tiếng Anh : DUC GIANG CORPORATION

Tên viết tắt : **DUGARCO**

3. Trụ sở Tổng công ty : Số 59 Phố Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84-4) 8271344

Fax : (84-4) 8271896

E-mail : mayducgiang.com.vn

4. Trong thời gian hoạt động DUGARCO có thể thay đổi trụ sở theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện thủ tục đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. DUGARCO có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của DUGARCO theo nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. DUGARCO có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 3. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của DUGARCO

1. Mục tiêu hoạt động:

DUGARCO được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn

cho hoạt động đầu tư phát triển ngành dệt may và các lĩnh vực khác, đồng thời đổi mới tổ chức sản xuất và công tác quản lý, quản trị DUGARCO nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế xã hội, tạo việc làm ổn định và thu nhập cho người lao động; tăng cổ tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển DUGARCO ngày càng lớn mạnh.

2. DUGARCO kinh doanh những ngành nghề sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm dệt may	1392 (Chính)
2.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, linh kiện ngành dệt may;	3290
3.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
4.	Xây dựng nhà để ở	4101
5.	Xây dựng nhà không để ở	4102
6.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng nhà làm văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị và nhà ở;	4299
8.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
10.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm dệt may	4641
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:	4669

	<p>- Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, linh kiện ngành dệt may;</p> <p>- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ;</p>	
12.	<p>Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp</p>	4620
13.	<p>Bán buôn thực phẩm</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu hải sản, thực phẩm công nghệ;</p>	4632
14.	<p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm dân dụng, điện tử, điện lạnh, cao su;</p>	4649
15.	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện;</p>	4659
16.	<p>Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh phương tiện vận tải;</p>	4511
17.	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt</p>	5221
18.	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ</p>	5225
19.	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); 	7730
20.	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p>	8299

	<p>Chi tiết:</p> <p>- Nhập khẩu sắt thép, gỗ, máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh, kinh doanh kim loại màu (kẽm, nhôm, đồng, chì) làm nguyên liệu cho sản xuất;</p> <p>- Dịch vụ xuất nhập khẩu;</p>	
21.	<p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường bộ</p>	4933
22.	<p>Vận tải hành khách đường thủy nội địa</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường thủy</p>	5021
23.	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản và kinh doanh cho thuê nhà làm văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị và nhà ở;</p>	6810
24.	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết: Xây dựng nhà làm văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị và nhà ở;</p>	4290
25.	<p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, lưu trú du lịch;</p>	5510
26.	<p>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phụ vụ lưu động</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;</p>	5610
27.	<p>Điều hành tua du lịch</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;</p>	7912
28.	<p>Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp</p>	3320
29.	<p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động;</p>	4329
30.	<p>Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ</p> <p>Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;</p>	4210
31.	<p>Xây dựng nhà các loại</p>	4100
32.	<p>Phá dỡ</p>	4311
33.	<p>Chuẩn bị mặt bằng</p>	4312
34.	<p>Lắp đặt hệ thống điện</p>	4321
35.	<p>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí</p>	4322

36.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
37.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
38.	Hd kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội – ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện – cơ điện công trình; - Thiết kế cấp – thoát nước; - Thiết kế thông gió – cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin – liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; - Thẩm định thiết kế xây dựng công trình; - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án; - Kiểm định xây dựng; - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Thiết kế phòng cháy – chữa cháy; - Tư vấn quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; - Dịch vụ tư vấn đấu thầu;	7110
39.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
40.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
41.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
42.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
43.	Quảng cáo	7310
44.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết:	7410

	- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Hoạt động trang trí nội thất	
45.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);	7730
46.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
47.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
48.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
49.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
50.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
51.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
52.	Khai thác và thu gom than non	0520
53.	Khai thác quặng sắt	0710
54.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi.	0722
55.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
56.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
57.	Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón	0891
58.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
59.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
60.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
61.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn;	4633

	- Bán buôn đồ uống không có cồn;	
62.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
63.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
64.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
65.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
66.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
67.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
68.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
69.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	3100
70.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
71.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú Chi tiết: - Giặt là và tiệt trùng các sản phẩm giặt là - Làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620

Trong thời gian hoạt động, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty quyết định việc thay đổi hay bổ sung các ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Thời gian hoạt động của DUGARCO

1. DUGARCO hoạt động vô thời hạn kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thời gian hoạt động của DUGARCO có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cấp có thẩm quyền cho phép.
2. Quy định nêu tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp DUGARCO bị giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của DUGARCO

1. DUGARCO hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Các cổ đông của DUGARCO cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ của DUGARCO trong phần vốn của mình đã góp vào DUGARCO.
3. Các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm riêng của mỗi cổ đông độc lập hoàn toàn với quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của DUGARCO, cho dù được phát sinh trước hay sau khi DUGARCO được thành lập.
4. Cơ quan quyết định cao nhất của DUGARCO là Đại hội đồng cổ đông.
5. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị để quản lý DUGARCO, bầu thành viên Ban kiểm soát để giám sát việc quản lý và điều hành DUGARCO.
6. Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của DUGARCO là Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo trình tự thủ tục quy định tại Điều lệ này.
7. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong DUGARCO hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với các quy định của pháp luật. DUGARCO tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

**CHƯƠNG III
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU****Điều 6. Vốn điều lệ****1. Vốn điều lệ:**

- a. Vốn điều lệ của DUGARCO được xác định theo giá trị bằng tiền Việt Nam là **89.996.220.000** đồng (Tám mươi chín tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).
- b. Vốn điều lệ của DUGARCO được hình thành từ việc các cổ đông góp bằng tiền Việt Nam. Giá trị tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động phải được một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Trong mọi trường hợp, DUGARCO không chịu trách nhiệm về tính pháp lý đối với các nguồn tiền, tài sản do các cổ đông tự nguyện góp cổ phần vào DUGARCO.

2. Tăng, giảm vốn điều lệ

- a. Đại hội đồng cổ đông DUGARCO quyết định tăng vốn điều lệ của DUGARCO nếu thấy cần thiết thông qua việc trích một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận chưa

phân phối bổ sung vào vốn điều lệ hoặc phát hành cổ phiếu mới theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- b. Việc giảm vốn điều lệ DUGARCO do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở vốn điều lệ còn lại vẫn đảm bảo để DUGARCO hoạt động bình thường.

3. Cổ phần, cơ cấu cổ phần

- a. Vốn điều lệ của DUGARCO được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Vốn điều lệ của DUGARCO tại thời điểm thông qua Điều lệ này được chia làm **8.999.622** cổ phần. Tất cả cổ phần của DUGARCO tại thời điểm thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung này là cổ phần phổ thông. Một (01) cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.
- b. Công ty chưa phát hành cổ phần ưu đãi. Công ty có quyền phát hành cổ phần ưu đãi (bao gồm: cổ phần ưu đãi hoàn lại, cổ phần ưu đãi cổ tức, các loại cổ phần ưu đãi khác) tùy từng thời điểm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với tình hình kinh doanh của DUGARCO và quy định của Luật Doanh nghiệp.
- c. Mỗi cổ phần phổ thông của DUGARCO có một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Mọi quy định về cổ phần phổ thông và cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều lệ này và phù hợp với Luật Doanh nghiệp.
- d. Cơ cấu cổ phần:
- Cổ phần thuộc sở hữu VINATEX: 3.169.222 cổ phần, chiếm 35,21% vốn điều lệ;
 - Cổ phần thuộc sở hữu của nhà đầu tư chiến lược: 1.656.993 cổ phần, chiếm 18,4% vốn điều lệ;
 - Cổ phần thuộc sở hữu của các cổ đông khác: 4.173.747 cổ phần, chiếm 46,4% vốn điều lệ.

4. Chào bán cổ phần

- a. DUGARCO thực hiện chào bán cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc chào bán cổ phần phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc chào bán sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.
- b. Thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp.
- c. Việc mua, bán cổ phần được coi là hoàn tất thủ tục khi các thông tin về người mua cổ phần được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của DUGARCO; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần đó trở thành cổ đông của DUGARCO.

- d. Sau khi cổ phần được bán, DUGARCO phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. DUGARCO cũng có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông phải được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của DUGARCO để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong DUGARCO.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần của DUGARCO được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán. Cổ đông muốn chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của DUGARCO (nơi phát hành cổ phiếu). Hoặc tổ chức được DUGARCO uỷ quyền và thực hiện các thủ tục theo quy định của DUGARCO.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo mẫu của DUGARCO. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký, có xác nhận của DUGARCO. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của DUGARCO.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong số cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và DUGARCO phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

3. Hội đồng quản trị có quyền từ chối xác nhận việc chuyển nhượng bất kỳ cổ phần thể hiện bằng cổ phiếu ghi tên nào nếu chưa được thanh toán đầy đủ.
4. Cổ phần thể hiện bằng cổ phiếu không ghi tên được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác.

Điều 8. Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của pháp luật về thừa kế. DUGARCO không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
2. Người thừa kế hoặc đại diện của những người thừa kế hợp pháp các cổ phần được thừa kế phải thực hiện các thủ tục đăng ký với DUGARCO để xác nhận là cổ đông mới của DUGARCO và được hưởng mọi quyền lợi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Điều 9. Mua lại cổ phần, điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại

1. Mua lại cổ phần theo quyết định của DUGARCO:
DUGARCO có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã

bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau:

- a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
- c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty;

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

- a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại DUGARCO hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ DUGARCO có quyền yêu cầu DUGARCO mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần của cổ đông phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán và lý do yêu cầu DUGARCO mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến DUGARCO trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại điểm này.
- b. DUGARCO phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá trị trường hoặc theo giá được tính theo nguyên tắc quy định trong một quy chế riêng của DUGARCO trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. DUGARCO giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

- a. DUGARCO chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại DUGARCO vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- b. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại hoặc trả cổ tức đối với số cổ phần mua lại trái với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này thì cổ đông phải hoàn trả cho DUGARCO số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho DUGARCO thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của DUGARCO.
- c. Số cổ phần mua lại theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được coi là cổ chưa bán theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Cổ phần chưa bán là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho công ty. Việc chào bán số cổ phần này do Đại hội đồng cổ đông DUGARCO quyết định.
- d. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác..
- e. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của DUGARCO bị giảm hơn 10% thì DUGARCO phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần thì Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho DUGARCO theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi cổ đông thanh toán đầy đủ các khoản phí phải nộp, các khoản lãi và chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.
4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của DUGARCO và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi.
- c. Biên bản bằng tiếng Việt hoặc có thể bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài và có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.
 - d. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của DUGARCO.
16. Những người được mời họp dự thính: Hội đồng quản trị có thể mời những người quản lý DUGARCO khác hoặc các chuyên gia của một bên thứ ba nào đó tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Những người được mời tham dự cuộc họp theo quy định tại khoản này được quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp.
17. Bộ phận giúp việc: giúp việc cho Hội đồng quản trị có thể là thư ký hoặc các tiểu ban hoặc văn phòng Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc thành lập hoặc giải thể bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị.

Điều 40. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

Điều 11. Cổ phiếu

1. Chứng chỉ do DUGARCO phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của DUGARCO gọi là cổ phiếu.
Trường hợp DUGARCO phát hành cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ thì cổ phiếu có 2 loại: cổ phiếu ghi tên và cổ phiếu không ghi tên.
2. Mọi cổ phiếu do DUGARCO phát hành phải được đóng dấu DUGARCO và có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của DUGARCO theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu phải nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người sở hữu (nếu là cổ phiếu ghi tên) và các thông tin khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
3. Nếu hình thức, nội dung cổ phiếu do DUGARCO phát hành có sai sót thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu không bị ảnh hưởng. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do sai sót đó gây ra đối với DUGARCO.
4. Cổ phiếu ghi tên:
 - a. Cổ phiếu phát hành lần đầu, cổ phiếu thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
 - b. Mỗi cổ phiếu ghi tên phải ghi rõ các nội dung như sau: tên, trụ sở DUGARCO; số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; số lượng cổ phần và loại cổ phần; mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ Căn cước công dân, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của cổ đông, tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần; chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và con dấu của DUGARCO; số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của DUGARCO và ngày phát hành cổ phiếu.
 - c. Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi, ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi các nội dung khác theo đúng quy định tại các Điều 116, 117, 118 của Luật Doanh nghiệp.
 - d. Việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ phiếu ghi tên phải tuân theo các quy định tại Điều 13 của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.
5. Cổ phiếu không ghi tên:
 - a. Các loại cổ phiếu khác không được quy định tại khoản 4 của Điều này là cổ phiếu không ghi tên.
 - b. Cổ đông sở hữu cổ phiếu không ghi tên sẽ chịu trách nhiệm trong việc quản lý an toàn cổ phiếu. DUGARCO không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về việc mất hoặc sử dụng cổ phiếu gian lận.
6. Nếu cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị DUGARCO cấp lại cổ phiếu mới. Đề nghị của cổ đông phải có nội dung quy định tại điểm a, b khoản 3, Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Cổ phiếu quỹ

1. Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của chính DUGARCO đã phát hành và được DUGARCO mua lại bằng nguồn vốn hợp pháp.
2. Điều kiện, trình tự mua, bán và quản lý cổ phiếu quỹ trong DUGARCO được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trái phiếu công ty

1. Tùy theo nhu cầu tài chính của DUGARCO, việc sử dụng vốn và tình hình thị trường, DUGARCO có thể phát hành trái phiếu công ty, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ này..
2. Trừ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành các loại trái phiếu khác, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
3. Khi DUGARCO phát hành thêm cổ phần mới, chủ sở hữu trái phiếu chuyển đổi có quyền ưu tiên được mua cổ phần chỉ sau các cổ đông của DUGARCO.
4. Trái phiếu của DUGARCO có thể được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ DUGARCO.

Điều 14. Niêm yết và đăng ký giao dịch chứng khoán

1. DUGARCO niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán khi có đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc DUGARCO niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của DUGARCO

Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của DUGARCO bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG V CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quy định chung về cổ đông

1. Mọi tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài nếu sở hữu hợp pháp một hay nhiều cổ phần của DUGARCO đều là cổ đông của DUGARCO.
2. Cổ đông được công nhận chính thức sở hữu hợp pháp cổ phần của DUGARCO khi đã thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của DUGARCO.
3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện theo uỷ quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến DUGARCO trong thời hạn sớm nhất. Thông báo kèm theo Văn bản uỷ quyền phải có nội dung chủ yếu theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.
4. Trong trường hợp một cổ đông tổ chức mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của tổ chức cũ, thì cổ đông tổ chức mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị DUGARCO các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông tổ chức giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho tổ chức hoặc cá nhân khác theo các quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
5. DUGARCO phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi thông tin về người đại diện theo uỷ quyền.
6. Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại DUGARCO. Việc uỷ quyền đều phải thực hiện bằng văn bản theo các quy định của pháp luật. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị DUGARCO.
7. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của nhóm cổ đông này bằng văn bản.

Điều 17. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông của DUGARCO thực hiện quyền sở hữu đối với DUGARCO tương ứng với số cổ phần mà mình sở hữu và có các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của DUGARCO có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- a. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu của từng cổ đông.
- b. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông của DUGARCO theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
- c. Thừa kế cổ phần theo quy định của Điều lệ DUGARCO và phù hợp với luật pháp.
- d. Được nhận thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động của DUGARCO;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình.
- f. Nhận một phần tài sản còn lại (nếu có) theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần mà cổ đông sở hữu sau khi DUGARCO thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và trả cho cổ đông ưu đãi trong trường hợp DUGARCO giải thể hoặc phá sản.
- g. Giám sát, phê bình, chất vấn và kiến nghị về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc DUGARCO.
- h. Yêu cầu DUGARCO mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 15 của Điều lệ này.
- i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần phổ thông ngoài các quyền quy định tại khoản 2 Điều này còn có các quyền:
 - a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của DUGARCO, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá

thẩm quyền.

- b. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của DUGARCO khi xét thấy cần thiết.
Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của DUGARCO; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính sáu tháng và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên số cổ phần phổ thông ngoài các quyền quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này còn có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 33 và Điều 49 Điều lệ này.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông của DUGARCO có nghĩa vụ:

1. Thanh toán đủ số tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quyết định của DUGARCO. Chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của DUGARCO trong phạm vi số vốn đã góp vào DUGARCO.
Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi DUGARCO dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được DUGARCO hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định trên thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của DUGARCO phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của DUGARCO trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
2. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của DUGARCO.
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, uy tín, bí mật kinh doanh và tài sản của DUGARCO.
5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh DUGARCO dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ xấu về tài chính có thể

xảy ra đối với DUGARCO.

6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 19. Sổ đăng ký cổ đông của DUGARCO

1. DUGARCO phải lập Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông của DUGARCO được lập vừa bằng văn bản vừa bằng tệp dữ liệu điện tử và được lưu giữ tại trụ sở DUGARCO.
2. Nội dung của Sổ đăng ký cổ đông của DUGARCO phải ghi nhận đúng và đầy đủ các thông tin quy định tại khoản 2, Điều 122 Luật Doanh nghiệp.
3. Tất cả các cổ đông của DUGARCO chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
4. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác..
5. Trường hợp cổ đông có thay đổi thông tin giấy tờ chứng thực cá nhân, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên hệ thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông của DUGARCO gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của DUGARCO.
2. Đại hội đồng cổ đông tiến hành họp để thực hiện các quyền của mình. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

a. Cuộc họp thường niên

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với luật pháp. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự cuộc họp để tư vấn cho việc thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

b. Cuộc họp bất thường

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức khi có phát sinh bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến tổ chức, hoạt động của DUGARCO.

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Thông qua chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của DUGARCO;
- b. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- c. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Thông qua báo cáo của Kiểm toán viên độc lập (nếu có);
- e. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- f. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
- g. Quyết định người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các cổ phần ưu đãi khác;
- h. Quyết định việc chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông;
- i. Quyết định tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;
- j. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của DUGARCO được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của DUGARCO;
- k. Quyết định giao dịch mua, vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của DUGARCO được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- l. Quyết định việc DUGARCO mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- m. Quyết định việc DUGARCO hoặc các chi nhánh của DUGARCO ký kết hợp đồng, giao dịch với các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của DUGARCO được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- n. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
- o. Quyết định thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- p. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho DUGARCO và cổ đông của DUGARCO;
- q. Lựa chọn công ty kiểm toán;
- r. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi DUGARCO; Quyết định việc tổ chức lại, giải thể (thanh lý) DUGARCO và chỉ định người thanh lý;
- s. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ DUGARCO, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ DUGARCO;
- t. Phê duyệt quy chế nội bộ của quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát;

- u. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 2. Cổ đông không được tham gia biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến:
 - a. Các hợp đồng quy định tại Luật Doanh nghiệp nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc bất kỳ người nào liên quan đến cổ đông đó.

Điều 22. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập.
2. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập cuộc họp bất thường trong các trường hợp:
 - a. Theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi:
 - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của DUGARCO. Việc triệu tập họp là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của DUGARCO và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;
 - Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ đã bị giảm 50%;
 - Số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá 1/3 số thành viên quy định tại khoản 1, Điều 38 Điều lệ này;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 23 Điều lệ này hoặc của Ban kiểm soát trong trường hợp có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của DUGARCO vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý hành động vượt quá phạm vi quyền hạn của mình.
3. Khi có phát sinh các hiện tượng như nêu tại điểm a, khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này thì:
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 (ba mươi) ngày.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với DUGARCO.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy

định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với DUGARCO.

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 23 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

4. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện họp lệ sẽ được DUGARCO chi trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 23. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông :
- a. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
2. Việc uỷ quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông :
- a. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của DUGARCO và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền.
 - Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức đó và người được uỷ quyền.
 - Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
- c. Người được uỷ quyền được nhân danh cổ đông uỷ quyền tham dự, phát biểu và thực hiện quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu của cổ đông đã uỷ quyền, phù hợp với các quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

- d. Người được uỷ quyền tham dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông không bắt buộc phải là cổ đông của DUGARCO.
- e. Người được uỷ quyền tham dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền cho Ban tổ chức cuộc họp trước khi vào phòng họp.
- g. Việc uỷ quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.
- h. Người uỷ quyền có thể thu hồi sự uỷ quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị trước khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khai mạc.
- v. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi uỷ quyền không có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

Điều 24. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 27, 28 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của DUGARCO. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ Căn cước công dân, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Thông báo, chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của DUGARCO; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử của DUGARCO đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông làm việc theo chương trình nghị sự đã công bố. Trong trường hợp triệu tập lần thứ hai, lần thứ ba, cuộc họp vẫn giữ nguyên chương trình nghị sự đã công bố cho lần triệu tập thứ nhất. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình nghị sự đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 23 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến DUGARCO chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung bản kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị khi:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Những trường hợp khác quy định tại bản Điều lệ này.

Điều 27. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của DUGARCO tại thời điểm tương ứng dự họp cho lần triệu tập thứ nhất.
 - i. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm tương ứng.
 - j. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản này thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba này được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

3. Chủ tọa cuộc họp đề cử Ban thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
5. Trước ngày khai mạc cuộc họp, thủ tục đăng ký cổ đông tham dự họp phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi đảm bảo việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
6. Khi tiến hành thủ tục đăng ký, kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông, đại diện cổ đông dự họp, DUGARCO sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông có

quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ tên cổ đông, họ tên đại diện cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại cuộc họp sẽ được tiến hành bằng cách giơ thẻ chấp thuận một vấn đề trước, giơ thẻ phản đối vấn đề đó sau. Tổng số phiếu tán thành, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng sẽ được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp và ghi vào nội dung Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Trường hợp cổ đông không đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì có thể gửi phiếu biểu quyết có niêm phong đến DUGARCO trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và trong trường hợp này được coi là dự họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
9. Quyết định của chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
10. Chủ tọa và thư ký cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
11. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a. Yêu cầu tất cả mọi người tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
12. Không cần lấy ý kiến của cuộc họp, chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp đã có đủ số cổ đông đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp:
 - a. Địa điểm tổ chức cuộc họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông tham dự cuộc họp; hoặc
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; hoặc
 - c. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
13. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 12 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều khiển cuộc họp cho đến

lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền được bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có giá trị hiệu lực khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

Nghị quyết, quyết định được thông qua tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập và tiến hành phù hợp với những quy định liên quan nói tại Điều lệ này sẽ có hiệu lực bắt buộc vô điều kiện đối với mọi cổ đông của DUGARCO, cho dù cổ đông đó vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

3. Các vấn đề sau phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ DUGARCO;
 - b. Thông qua định hướng phát triển DUGARCO;
 - c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của DUGARCO;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể DUGARCO.
 - h. Thay đổi ngành nghề, mục tiêu kinh doanh.
4. Đối với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến vấn đề quy định tại điểm a, c, e, g và h khoản 3 Điều này phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không thực hiện theo đúng quy định.
6. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì

quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích DUGARCO.
- b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;
- c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 3, Điều 149 Luật Doanh nghiệp.
- d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về DUGARCO phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về DUGARCO sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

- e. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý DUGARCO. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 5, Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- f. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của DUGARCO.
- h. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản của DUGARCO và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, tiếng anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các quyết định đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của DUGARCO.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông; cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ DUGARCO;
2. Trình tự, thủ tục và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ DUGARCO.

CHƯƠNG VI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý DUGARCO, gồm năm (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý, các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của DUGARCO. Hội đồng quản trị phải có ít nhất một phần ba (1/3) thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị được bầu không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong Hội đồng quản trị luôn có ít nhất 2/5 thành viên cũ.
4. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
5. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.
6. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 33. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trong khoảng từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử 01 (một) ứng cử viên; sở hữu trong khoảng từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử 02 (hai) ứng cử viên; sở hữu trong khoảng từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử 04 (bốn) ứng cử viên; sở hữu từ 70% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử đủ số ứng cử viên.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị phải bằng văn bản và được gửi đến DUGARCO chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung đơn đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần phổ thông sở hữu của cổ đông, tên ứng viên tham gia Hội đồng quản trị, chữ ký của người đề cử và người được đề cử.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - Thường trú tại Việt Nam;
 - Là cổ đông DUGARCO hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức;
 - Lý lịch rõ ràng, có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt;
 - Có trình độ từ Đại học trở lên; có kinh nghiệm quản lý kinh doanh thuộc ngành nghề kinh doanh chủ yếu của DUGARCO;
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.
 - Thành viên Hội đồng quản trị DUGARCO chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác.

Điều 34. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý DUGARCO, có toàn quyền nhân danh DUGARCO để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của DUGARCO không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của DUGARCO;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi;
 - c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của DUGARCO;
 - e. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần;
 - f. Xem xét việc chuyển nhượng các cổ phiếu ghi tên;
 - g. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của DUGARCO;
 - h. Quyết định giao dịch mua, vay, cho vay tài sản DUGARCO hoặc bất kỳ chi nhánh, đơn vị trực thuộc nào hoặc giao dịch mua do DUGARCO hoặc chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản của DUGARCO và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc của DUGARCO được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - i. Quyết định việc DUGARCO hoặc bất kỳ chi nhánh, đơn vị trực thuộc nào của DUGARCO ký kết các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất. Trường hợp này, người

đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

- j. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - k. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, người quản lý nêu tại điểm g, khoản 1, Điều 1 của Điều lệ này ; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó;
 - l. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - m. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của DUGARCO;
 - n. Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ DUGARCO, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - p. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - q. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - r. Có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và/hoặc các quy định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - s. Xem xét báo cáo của Tổng giám đốc khi cần thiết và ủy quyền cho Tổng giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của DUGARCO;
 - t. Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ của DUGARCO;
 - u. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - v. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT trình ĐHCĐ thông qua.
3. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

và những người quản lý khác trong năm tài chính.

4. Hội đồng quản trị không được phép trực tiếp hay gián tiếp cho vay, cho mượn tài sản của DUGARCO để thế chấp hoặc bảo lãnh nợ cho các đối tượng sau:
 - Cổ đông của DUGARCO.
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát của DUGARCO.
 - Các doanh nghiệp khác mà một hay nhiều chủ doanh nghiệp đó đang là cổ đông của DUGARCO.
5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ DUGARCO và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ DUGARCO gây thiệt hại cho DUGARCO thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho DUGARCO; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm và quyền hạn sau:
 - a. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị; Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - b. Gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của DUGARCO, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Lãnh đạo hoạt động của Hội đồng quản trị và thay mặt Hội đồng quản trị thực hiện các hoạt động hàng ngày của Hội đồng quản trị trong thời gian giữa 2 cuộc họp thường kỳ.
 - d. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - f. Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của DUGARCO.
 - g. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình.
 - h. Có quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp.
2. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị phải tuân theo những quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ này;
 - b. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Có đơn xin từ chức;
 - d. Chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết án tù;
 - e. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu tháng) liên tục mà không có sự đồng ý của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã ra nghị quyết chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - f. Cổ đông tổ chức do người này đại diện kết thúc hoạt động;
 - g. Mất tư cách đại diện cho cổ đông là tổ chức;
 - h. DUGARCO bị giải thể, phá sản.
3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại khoản 1 Điều 32 Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 37. Việc khuyết thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông tổ chức muốn thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đang là thành viên Hội đồng quản trị của DUGARCO thì phải có đơn hoặc văn bản gửi đến Hội đồng quản trị DUGARCO. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị phải họp để xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại cử người

thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 38. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị, hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận được tính vào chi phí kinh doanh của DUGARCO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được ghi chi tiết trong báo cáo tài chính hàng năm của DUGARCO và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
3. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thành viên thực hiện các công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất 03 (ba) tháng một lần; trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp thường kỳ cũng không quá 04 (bốn) tháng. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm họp và gửi đến các thành viên của Hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến.
Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên trúng cử Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ để triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường. Hội đồng quản trị phải họp phiên bất thường trong vòng 15 (mười lăm) ngày theo đề nghị của một trong những người, nhóm người sau:
 - a. ít nhất 02 (hai) thành viên của Hội đồng quản trị;

- b. Ban kiểm soát;
- c. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
Đề nghị phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích và các vấn đề cần thảo luận.
3. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp nêu tại khoản 2 Điều này theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với DUGARCO; những người đề nghị tổ chức cuộc họp nêu tại khoản 2 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình DUGARCO.
5. Địa điểm họp: các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của DUGARCO hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản. Thông báo mời họp phải ghi cụ thể chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề cần thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp, và phiếu biểu quyết của các thành viên.
 - b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại DUGARCO.
7. Việc uỷ quyền dự họp Hội đồng quản trị:
 - a. Mọi thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho bất kỳ một thành viên Hội đồng quản trị nào khác, hoặc bất kỳ người nào khác được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - b. Người được uỷ quyền thực hiện các quyền, nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp theo như nội dung ghi tại giấy uỷ quyền.
 - c. Việc uỷ quyền phải thực hiện bằng văn bản do thành viên Hội đồng quản trị uỷ quyền và người được uỷ quyền ký, gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) tiếng đồng hồ trước thời gian dự họp dự kiến.
Trường hợp uỷ quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị, giấy uỷ quyền phải được gửi tới Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến. Chậm nhất 01 (một) ngày trước ngày họp dự kiến, Hội đồng quản trị phải thông báo chấp thuận hoặc không chấp thuận việc uỷ quyền dự họp của thành viên Hội đồng quản trị và nêu rõ lý do không chấp thuận.
 - d. Việc uỷ quyền dự họp của thành viên Hội đồng quản trị chỉ được thực hiện từng

- lần. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền cho người thứ ba.
8. Số thành viên tham dự tối thiểu: cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 03 (ba) thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền.
 9. Biểu quyết tại cuộc họp:
 - a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - c. Trong một cuộc họp Hội đồng quản trị, khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
 - d. Bất kỳ một thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng đó.
 10. Công khai lợi ích: một thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với DUGARCO sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó tại cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức gần nhất sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
 11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra các quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của Hội đồng quản trị theo phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị, nhưng không muộn hơn 01 (một) tiếng đồng hồ trước thời gian dự họp dự kiến. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức bằng hình thức qua điện thoại hoặc qua mạng internet hoặc bất kỳ sự kết hợp nào giữa các hình thức trên: một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi chép bởi thư ký tại cuộc họp, là người tham dự vào cuộc họp. Biên bản phải thể hiện các nghị quyết được thông qua hoặc từ chối thông qua theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại, mạng internet và các phương thức kết hợp hình thức trên được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng bản gốc biên bản có chữ ký của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Các nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết này có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có chữ ký của ít nhất một thành viên. Mỗi bản này có giá trị pháp lý như nhau.

14. Nghị quyết bằng văn bản: nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:
- Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Số lượng thành viên ký tên trên văn bản không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.
15. Biên bản cuộc họp:
- Mọi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải được ghi vào sổ biên bản; Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong

- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 41. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác. Tổng giám đốc không nhất thiết là cổ đông của DUGARCO. Tổng giám đốc là người đại diện cho pháp luật của Tổng công ty.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của DUGARCO trên cơ sở quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ này và hợp đồng lao động ký với Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá 05 (năm) năm; có thể bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng giám đốc được trả tiền lương, tiền thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của DUGARCO. Tiền lương, tiền thưởng của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của DUGARCO theo quy định của pháp luật và phải được nêu trong báo cáo tài chính hàng năm của DUGARCO để báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc DUGARCO phải là người:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, 03 (ba) năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của DUGARCO; hiểu biết pháp luật, có sức khỏe phù hợp với chức vụ được giao;
 - c. Không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.
 - d. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.
2. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị căn cứ những điều kiện nói trên xem xét, bỏ phiếu tuyển chọn theo nguyên tắc đa số chấp thuận.

Điều 43. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của DUGARCO mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ DUGARCO và tuân thủ pháp luật;
3. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát;
4. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của DUGARCO;
5. Báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh của DUGARCO định kỳ hàng năm, hàng quý, hoặc đột xuất tùy theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
6. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ DUGARCO;
7. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của DUGARCO;
8. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định);
9. Kiến nghị giải pháp phát triển thị trường, quảng cáo, tiếp thị và công nghệ;
10. Kiến nghị số lượng và các chức danh quản lý để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác trong DUGARCO trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
12. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong DUGARCO, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
13. Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của Hội đồng quản trị; Khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp với Bộ luật Lao động;
14. Quyết định các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 05(năm)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của DUGARCO;
15. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý trong kinh doanh;
16. Thừa ủy quyền của Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của Công ty;
17. Đại diện DUGARCO trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của DUGARCO khi được Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản;
18. Bảo đảm các điều kiện và phương tiện phục vụ cho việc hoạt động của Đại hội

- đồng cổ đông, Ban kiểm soát và việc thực thi quyền và nghĩa vụ của cổ đông;
19. Được quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố,... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
 20. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho DUGARCO.
 21. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của DUGARCO và các quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

Điều 44. Bộ máy giúp việc

1. DUGARCO có các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn.
2. Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành là người giúp Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và uỷ quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công uỷ quyền.
3. Kế toán trưởng là người giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính kế toán trong toàn DUGARCO.
4. Giám đốc các chi nhánh, đơn vị trực thuộc DUGARCO là thủ trưởng điều hành trực tiếp các đơn vị thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác theo quy chế quản lý nội bộ được Hội đồng quản trị phê duyệt phải tự chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc DUGARCO, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc điều hành của mình.
5. Các Trưởng, Phó phòng, ban chuyên môn là người giúp Tổng giám đốc DUGARCO thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý điều hành công việc hàng ngày.

Điều 45. Việc uỷ quyền - uỷ nhiệm của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc có thể uỷ quyền, uỷ nhiệm cho các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của DUGARCO và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc uỷ quyền, uỷ nhiệm của mình.
2. Người được Tổng giám đốc uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.
3. Mọi sự uỷ quyền, uỷ nhiệm đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 46. Việc từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc

1. Từ nhiệm: Trong trường hợp từ nhiệm, Tổng giám đốc phải có văn bản gửi tới Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, Hội đồng quản trị họp xem xét và quyết định.
2. Miễn nhiệm: Tổng giám đốc đương nhiên bị miễn nhiệm khi bị chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc tự ý nghỉ việc từ 30 (ba mươi) ngày trở lên cộng dồn trong một năm.
3. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có quyền quyết định bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có ít nhất 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. (Tổng giám đốc nếu là thành viên Hội đồng quản trị thì không được biểu quyết). Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
4. Trong trường hợp Tổng giám đốc không còn đủ tư cách, Hội đồng quản trị phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày công bố, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

CHƯƠNG VIII NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DUGARCO

Điều 47. Nghĩa vụ của người quản lý DUGARCO

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của DUGARCO có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ DUGARCO, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của DUGARCO và cổ đông của DUGARCO.
 - d. Trung thành với lợi ích của DUGARCO và cổ đông của DUGARCO; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của DUGARCO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của DUGARCO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho DUGARCO về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh và địa điểm kinh doanh của DUGARCO.
2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi DUGARCO không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 48. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành DUGARCO.
2. Ban kiểm soát DUGARCO gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn bằng thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp.
3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp.
6. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát để quản lý, điều hành hoạt động chung của Ban kiểm soát.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông là tổ chức hoặc nhóm cổ đông sở hữu trong khoảng từ **10%** đến dưới **30%** tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử 01 (một) ứng cử viên; sở hữu trong khoảng từ **30%** đến dưới **50%** tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử 02 (hai) ứng cử viên; sở hữu từ **50%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử 03 (ba) ứng cử viên.
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên tham gia Ban kiểm soát phải bằng văn bản và được gửi đến DUGARCO chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung đơn đề cử ứng viên tham gia Ban kiểm soát phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần phổ thông sở hữu của cổ đông, tên ứng viên tham gia Ban kiểm soát, chữ ký của người đề cử và người được đề cử.
2. Trưởng ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát phải:
 - Thường trú tại Việt Nam;
 - Là cổ đông DUGARCO hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức;
 - Lý lịch rõ ràng, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - Không được giữ các chức vụ quản lý DUGARCO.

- Ban kiểm soát phải có ít nhất 01 (một) thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán và thành viên này không được phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của DUGARCO, không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của DUGARCO.
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của DUGARCO và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc;
- Không được là người quản lý tại doanh nghiệp khác.

Điều 50. Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có những quyền hạn, nhiệm vụ như sau:
 - a. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành DUGARCO; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của DUGARCO và kiến nghị khắc phục các sai phạm.
 - c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của DUGARCO, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên.
 - d. Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Thảo luận với Kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - f. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà Kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - g. Xem xét các khuyến cáo của Kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý DUGARCO;
 - h. Xem xét báo cáo của DUGARCO về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - i. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của DUGARCO.
 - j. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày,

kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

- k. Được quyền yêu cầu các phòng ban nghiệp vụ của DUGARCO cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của DUGARCO.
 - l. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc các cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 52 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - m. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
 - n. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 - o. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ DUGARCO và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ sau:
- a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ DUGARCO, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của DUGARCO và cổ đông của DUGARCO.
 - c. Trung thành với lợi ích của DUGARCO và cổ đông DUGARCO; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của DUGARCO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của DUGARCO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - e. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho DUGARCO hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.
Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c, khoản này đều thuộc sở hữu của DUGARCO.
 - f. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 51. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm phân công thành viên Ban kiểm soát phụ trách từng lĩnh vực.
2. Giới hạn hoạt động của Ban kiểm soát:
 - a. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho DUGARCO khi thi hành nhiệm vụ;
 - b. Việc kiểm tra theo quy định tại điểm j, khoản 1 Điều 55 Điều lệ này không cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn trong việc trong việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của DUGARCO.
3. Sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập, các thành viên Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập DUGARCO.
4. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và hình thức hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được họp ít hơn 02 (hai) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 02 (hai) người.
5. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.
 - b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
 - c. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của DUGARCO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của DUGARCO.

Điều 52. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng ban kiểm soát muốn từ chức, thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi Ban kiểm soát. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản xin từ chức hoặc từ nhiệm, Ban kiểm soát phải họp để xem xét quyết định.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Điều lệ này;

- b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn xin từ chức;
3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho DUGARCO thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.
5. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban kiểm soát thì số thành viên Ban kiểm soát còn lại cử một người thay thế cho đến khi bầu thêm đủ số thành viên Ban kiểm soát như quy định tại Điều lệ này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
6. Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán, Ban kiểm soát trao đổi với Hội đồng quản trị tạm thời cử người thay thế ngay cho đến khi triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

CHƯƠNG X

QUAN HỆ CỦA DUGARCO VỚI CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC DUGARCO VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, CÔNG TY TỰ NGUYỆN THAM GIA LIÊN KẾT VỚI DUGARCO

Điều 53. Đơn vị phụ thuộc

1. DUGARCO có các đơn vị phụ thuộc do Hội đồng quản trị DUGARCO quyết định thành lập, tổ chức, giải thể, bao gồm: văn phòng đại diện, chi nhánh, công ty hạch toán phụ thuộc, địa điểm kinh doanh và các đơn vị phụ thuộc khác; được tổ chức, quản lý theo quy định của DUGARCO và quy định của pháp luật; hoạt động theo Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành.
2. Văn phòng đại diện của DUGARCO được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi quy định của pháp luật; có nhiệm vụ đại diện theo uỷ quyền cho lợi ích của DUGARCO và bảo vệ các lợi ích đó; có trụ sở, được mở tài khoản, có con dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật có liên quan; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của DUGARCO.
3. Chi nhánh của DUGARCO được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động thương mại, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của DUGARCO, kể cả chức năng đại diện theo uỷ quyền; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của DUGARCO; có Điều lệ tổ chức và hoạt động theo quy định của DUGARCO; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của DUGARCO và theo quy định của pháp luật.

4. Công ty hạch toán phụ thuộc của DUGARCO được thành lập để thực hiện các hoạt động kinh doanh theo phân cấp của DUGARCO; có tên gọi, trụ sở, con dấu và tài khoản riêng; có Điều lệ tổ chức và hoạt động theo quy định của DUGARCO; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của DUGARCO và theo quy định của pháp luật. Đơn vị hạch toán phụ thuộc DUGARCO có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm như sau:
 - a. Được giao quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác để kinh doanh; có quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp của DUGARCO; chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với DUGARCO; DUGARCO chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của đơn vị;
 - b. Được ký kết các hợp đồng kinh tế, được chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư không trái với sự phân cấp, uỷ quyền của DUGARCO và quy định của pháp luật; được tổ chức hạch toán phụ thuộc và lập các quỹ theo quy định của DUGARCO và theo quy định của pháp luật; tổ chức và nhân sự theo phân cấp của DUGARCO quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị;
 - c. Có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ do DUGARCO giao và thực hiện nghĩa vụ với DUGARCO theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị; chấp hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị, Điều lệ của DUGARCO và pháp luật của Nhà nước.
 - d. Các quyền và nghĩa vụ khác theo sự phân cấp, uỷ quyền của DUGARCO và quy định của pháp luật.
5. Đơn vị phụ thuộc khác của DUGARCO được thành lập để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp của DUGARCO; có tên gọi, trụ sở, con dấu và tài khoản riêng; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của DUGARCO; được cấp kinh phí hoạt động theo phương thức khoán chi và thực hiện chế độ phân cấp hạch toán theo quy định của DUGARCO. Đơn vị phụ thuộc khác của DUGARCO có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm như sau:
 - a. Được giao quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp của DUGARCO; chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với DUGARCO; DUGARCO chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị;
 - b. Không được ký kết các hợp đồng kinh tế, trừ trường hợp cấp trưởng đơn vị có giấy uỷ quyền hợp pháp của người đại diện theo pháp luật của DUGARCO; thực hiện chế độ phân cấp hạch toán theo quy định của DUGARCO và theo quy định của pháp luật; tổ chức và nhân sự theo phân cấp của DUGARCO quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị;
 - c. Có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ do DUGARCO giao và thực hiện nghĩa vụ với DUGARCO theo quy định tại Quy chế tổ chức

và hoạt động của đơn vị; chấp hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị, Điều lệ của DUGARCO và pháp luật của Nhà nước.

Điều 54. Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Hội đồng quản trị DUGARCO là đại diện chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do DUGARCO sở hữu vốn điều lệ, thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau đây đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:
 - a. Phê duyệt điều lệ công ty khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;
 - b. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
 - c. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và các Kiểm soát viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo đề nghị của Tổng giám đốc DUGARCO;
 - d. Quyết định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty theo Luật Đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
 - e. Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
 - f. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - g. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
 - h. Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty, trừ những tài sản theo quy định của Chính phủ;
 - i. Quyết định thành lập công ty con của công ty, việc công ty góp vốn vào công ty khác;
 - j. Ủy quyền cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định các dự án đầu tư, mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo

- cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại điều lệ công ty;
- k. Phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng công ty sau khi được DUGARCO chấp thuận phù hợp với quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;
 - l. Tổ chức giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty, hoạt động quản lý của Hội đồng thành viên hoặc của Chủ tịch công ty theo Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
 - m. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;
 - n. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
 - o. Đầu tư vốn đúng cam kết; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty; trường hợp không đầu tư đủ số vốn đã cam kết thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty;
 - p. Tuân thủ điều lệ công ty;
 - q. Tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và DUGARCO;
 - r. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của công ty theo văn bản trình của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;
 - s. Xác định và tách biệt tài sản của DUGARCO và tài sản của công ty;
 - t. Quyết định các hình thức và biện pháp tổ chức lại công ty theo quy định tại điều lệ của công ty.
 - u. Khi có yêu cầu của Tổng giám đốc DUGARCO, người đại diện theo pháp luật của công ty phải cung cấp các thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp.
 - v. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 55. Công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh và công ty ở nước ngoài

- 1. Công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài có cổ phần, vốn góp chi phối của DUGARCO, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, pháp luật nước ngoài và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. DUGARCO thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của DUGARCO.
3. DUGARCO trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty ở nước ngoài.
4. DUGARCO có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:
 - a. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn chi phối thông qua đại diện theo uỷ quyền của DUGARCO tại công ty có cổ phần, vốn góp chi phối theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật của nước mà DUGARCO đưa vốn đến để đầu tư và theo quy định của Điều lệ công ty bị chi phối.
 - b. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện theo uỷ quyền;
 - c. Yêu cầu người đại diện theo uỷ quyền báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con;
 - d. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện theo uỷ quyền xin ý kiến về những vấn đề quan trọng theo quy định tại quy chế quản lý người đại diện của DUGARCO ở doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị DUGARCO ban hành trước khi biểu quyết tại công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của DUGARCO;
 - e. Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình tại các công ty con;
 - f. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con;
 - g. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các công ty con;
 - h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Công ty liên kết

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.
2. DUGARCO có thể cử hoặc không cử người đại diện theo uỷ quyền của mình tại các công ty này để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty đó hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết.

Điều 57. Công ty tự nguyện tham gia liên kết với DUGARCO

Công ty tự nguyện tham gia liên kết với DUGARCO được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật, không có cổ phần, vốn góp của DUGARCO, chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ với DUGARCO theo hợp đồng liên kết hoặc theo thoả thuận giữa công ty đó với DUGARCO.

Điều 58. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo uỷ quyền của DUGARCO

1. Người đại diện theo uỷ quyền của DUGARCO phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; phải là người có hợp đồng lao động hoặc hợp đồng trách nhiệm với DUGARCO;
 - b. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;
 - c. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - d. Có trình độ đại học về kinh tế, tài chính, kế toán hoặc trong lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của DUGARCO; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo uỷ quyền của DUGARCO tại các công ty liên doanh với nước ngoài phải có thêm trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch;
 - e. Không là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của những người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư của DUGARCO mà người đó được giao làm đại diện theo uỷ quyền của DUGARCO; không có quan hệ (với tư cách cá nhân) góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua, bán với doanh nghiệp có vốn đầu tư của DUGARCO mà người đó được giao đại diện theo uỷ quyền của DUGARCO.
2. Người đại diện theo uỷ quyền của DUGARCO tham gia ứng cử hoặc được đề cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp có vốn đầu tư của DUGARCO mà người đó được giao đại diện theo uỷ quyền phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp đó.
3. Người đại diện theo uỷ quyền của DUGARCO tại các doanh nghiệp có vốn của DUGARCO có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tham gia ứng cử hoặc đề cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp có vốn góp của DUGARCO theo quyết định của Hội đồng quản trị và theo quy định của điều lệ doanh nghiệp đó;
 - b. Khi được uỷ quyền thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, các bên liên doanh phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của Hội đồng quản trị DUGARCO, đồng thời phải báo cáo về DUGARCO theo quy định;
 - c. Khi tham gia ban quản lý điều hành doanh nghiệp có vốn góp của DUGARCO, phải nghiên cứu, đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp đó để trình Hội đồng quản trị DUGARCO phê duyệt;

- d. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp có vốn góp của DUGARCO đưa ra thảo luận trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Đại hội đồng cổ đông hay các thành viên góp vốn hay bên liên doanh như: sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức; bán tài sản có giá trị lớn và các vấn đề quan trọng khác, người đại diện theo uỷ quyền của DUGARCO phải xin ý kiến Hội đồng quản trị DUGARCO trước khi họp và biểu quyết. Trường hợp nhiều người đại diện theo uỷ quyền của DUGARCO cùng tham gia Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban điều hành của doanh nghiệp khác thì phải cùng nhau bàn bạc, thống nhất ý kiến khi phát biểu, biểu quyết và phải báo cáo bằng văn bản về DUGARCO theo quy định;
- e. Khi tham gia ban quản lý, điều hành doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của DUGARCO, phải có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó đi đúng mục tiêu, chiến lược, định hướng của DUGARCO. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu, định hướng của DUGARCO phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị DUGARCO và đề xuất giải pháp để khắc phục. Sau khi được Hội đồng quản trị DUGARCO thông qua cần thể chế hoá thành quyết định của doanh nghiệp để nhanh chóng hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, chiến lược, định hướng đã xác định;
- f. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vốn góp của DUGARCO theo quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị DUGARCO về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp có vốn góp của DUGARCO, về hiệu quả sử dụng phần vốn góp chi phối của DUGARCO và việc thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị DUGARCO giao;
- g. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị DUGARCO về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của DUGARCO ở doanh nghiệp được giao đại diện theo uỷ quyền. Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện theo uỷ quyền, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho DUGARCO thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý tài chính của DUGARCO.
- h. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại quy chế và Điều lệ DUGARCO và quy định của pháp luật.
4. Người đại diện theo uỷ quyền của DUGARCO hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm và các lợi ích khác theo quyết định của Hội đồng quản trị DUGARCO và phù hợp với các quy định của pháp luật. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của DUGARCO giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng giám đốc tại doanh nghiệp có vốn góp của DUGARCO sẽ do doanh nghiệp đó trả lương, các phụ cấp lương, thưởng và các quyền lợi khác theo quy định của doanh nghiệp đó.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ DUGARCO

Điều 59. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các cán bộ quản lý của đơn vị trực thuộc DUGARCO cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của DUGARCO và của các đơn vị thành viên trực thuộc DUGARCO.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 60. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do DUGARCO phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người quản lý khác phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của DUGARCO theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 61. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của DUGARCO danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của DUGARCO, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của DUGARCO vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. DUGARCO phải lưu Điều lệ, những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy

tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông.

CHƯƠNG XII

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 62. Chế độ tuyển dụng

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo hợp đồng lao động ký giữa Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc uỷ quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế có liên quan của DUGARCO.

CHƯƠNG XIII

NĂM TÀI CHÍNH, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 63. Năm tài chính

Năm tài chính của DUGARCO bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày DUGARCO được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 64. Trích lập quỹ

Các quỹ khác như Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ Hội đồng quản trị, mức trích do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 65. Cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho từng loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của DUGARCO. DUGARCO chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập Quỹ dự phòng tài chính và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ DUGARCO ; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, DUGARCO vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Hội đồng quản trị sẽ lập danh sách các cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức sẽ được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo sẽ có nội dung như quy định của pháp luật.
Đối với trường hợp chuyển nhượng cổ phần, cổ đông chuyển nhượng lại cổ

- phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
4. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng tài chính của DUGARCO.
 5. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phần đó có quy định khác đi, mức cổ tức của cổ phần chưa được thanh toán hết trong thời gian trả cổ tức được tính theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phần đó tại thời điểm trả cổ tức.
 6. DUGARCO sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
 7. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
 8. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi DUGARCO đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép DUGARCO thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu DUGARCO đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì DUGARCO không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được DUGARCO chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.
 9. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Giá trị các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.
 10. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua quyết định của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của DUGARCO mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 66. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau (việc chuyển lỗ chỉ thực hiện tối đa trong vòng 03 năm liên tiếp và phù hợp với quy định của pháp luật); đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG XIV**TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN****Điều 67. Tài khoản ngân hàng**

1. DUGARCO sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, DUGARCO có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu thấy cần thiết.
3. DUGARCO thực hiện các khoản thanh toán và giao dịch tiền tệ theo quy định thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà DUGARCO mở tài khoản.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mở, chấm dứt hoạt động, sử dụng các tài khoản của DUGARCO tại ngân hàng.

Điều 68. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán của DUGARCO sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ một hệ thống kế toán nào được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. DUGARCO lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. DUGARCO sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà DUGARCO tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của DUGARCO.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 69. Kiểm toán

1. Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán của DUGARCO cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán của DUGARCO sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. DUGARCO sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty

- kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của và phải chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
 4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của DUGARCO.
 5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán DUGARCO sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, BÁO CÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 70. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. DUGARCO sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 74 của Điều lệ này và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của DUGARCO trong năm tài chính, một bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của DUGARCO cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính, bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của DUGARCO và các công ty con của DUGARCO vào cuối mỗi năm tài chính.

Điều 71. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố theo quy định và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI

TỔ CHỨC LẠI DUGARCO, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 72. Tổ chức lại DUGARCO

1. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của DUGARCO, Hội đồng quản trị có thể đề nghị với Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tổ chức lại DUGARCO theo các

hình thức như chia DUGARCO, tách DUGARCO, hợp nhất DUGARCO, sáp nhập DUGARCO, chuyển đổi DUGARCO.

2. Trình tự thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi DUGARCO thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 73. Chấm dứt hoạt động

1. DUGARCO có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a. Chấm dứt hoạt động theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Tòa án tuyên bố DUGARCO phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc DUGARCO chấm dứt hoạt động phải được gửi đến các cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay xin chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 74. Thanh lý

1. Trong trường hợp DUGARCO bị tuyên bố phá sản hoặc bị cấm hoạt động theo lệnh của Tòa án, việc giải quyết thanh lý tài sản của DUGARCO được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
2. Trong trường hợp DUGARCO tự tuyên bố chấm dứt hoạt động theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thì chậm nhất 06 (sáu) tháng sau khi có quyết định chấm dứt hoạt động, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định (có thể là nhân viên của DUGARCO hoặc chuyên gia độc lập) và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được DUGARCO ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của DUGARCO nhưng vẫn bảo đảm quyền lợi của các bên thứ ba theo quy định của pháp luật.
3. Ban thanh lý có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ đại diện cho DUGARCO trước pháp luật về việc phân định trách nhiệm, xử lý tài sản, công nợ tồn đọng và giải quyết các vấn đề tồn tại khác liên quan đến quyền lợi của cổ đông dưới sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông.
4. Thời gian thanh lý và chi phí liên quan do Đại hội đồng cổ đông quy định.
5. Trong thời gian thanh lý, Ban Thanh lý có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.
6. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và các chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà DUGARCO phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của DUGARCO;
- f. Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII TRANH CHẤP, TỔ TỤNG

Điều 75. Tranh chấp, tố tụng

1. DUGARCO có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi xảy ra tranh chấp, tố tụng.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện cho quyền lợi các cổ đông của DUGARCO trước pháp luật và được ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện các thủ tục trong mọi giai đoạn tranh tụng.

Điều 76. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi có tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của DUGARCO hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính giữa:
 - a. Một cổ đông hay các cổ đông với DUGARCO; hoặc
 - b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý khác,

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường ban kiểm soát sẽ chủ trì giải quyết tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan đến Ban kiểm soát hoặc Trường ban kiểm soát thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 (sáu mươi) ngày từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra các cơ quan pháp luật có thẩm quyền xét xử.
3. Mỗi bên tranh chấp tự chịu chi phí liên quan đến thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào chịu.

CHƯƠNG XVIII CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 77. Con dấu

1. Số lượng và hình thức con dấu : - Số lượng con dấu : 02 dấu

- Nội dung con dấu : Hình tròn, mực đỏ, đường kính 36mm, chính giữa con dấu là tên doanh nghiệp, vành dấu có mã số doanh nghiệp, thành phố của địa chỉ trụ sở chính.
- 2. Sử dụng và lưu giữ con dấu : Trước khi sử dụng, Công ty ban hành quyết định về việc sử dụng mẫu con dấu..
- Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.
- Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm việc quản lý, lưu giữ và sử dụng con dấu của Công ty

Điều 78. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Khi cần thiết phải sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ này, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị dự thảo sửa đổi, bổ sung và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực khi được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của DUGARCO chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của DUGARCO.

Điều 79. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung này gồm 18 Chương và 79 Điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên DUGARCO nhất trí thông qua ngày 20/4/2021 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua .
2. Điều lệ được lập thành 06 bản có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của DUGARCO.
5. Nếu có điểm mâu thuẫn giữa bản Điều lệ tiếng Việt và các bản dịch ra tiếng nước ngoài thì bản Điều lệ tiếng Việt là bản có giá trị quyết định.
6. Công ty giữ toàn quyền giải thích Điều lệ này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHO PHÁP LUẬT CỦA DUGARCO
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tiến Lâm

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2025

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính;
- Điều lệ Tổng công ty Đức Giang – CTCP sửa đổi được thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2025;
- Nghị quyết số 65/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên 2025 ngày 21/4/2025.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Đức Giang - CTCP ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như sau:

Chương I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm và quy trình làm việc của Hội đồng quản trị (HĐQT) và các thành viên HĐQT Tổng công ty Đức Giang – CTCP, theo Điều lệ Tổng công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với toàn thể thành viên HĐQT, Thư ký HĐQT, ban Kiểm soát, ban Điều hành và các cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, đảm bảo tính dân chủ, minh bạch và hiệu quả.
2. Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân và liên đới đối với các quyết định của HĐQT trước ĐHĐCĐ và pháp luật.
3. HĐQT tổ chức họp (hội ý) định kỳ hàng tháng, phân công cụ thể và ủy quyền rõ ràng cho Tổng Giám đốc triển khai toàn diện, đầy đủ các nghị quyết và quyết định đã

được thông qua. HĐQT không trực tiếp can thiệp vào công việc điều hành thường nhật của Ban điều hành, giữ đúng vai trò hoạch định chiến lược, giám sát và đánh giá hiệu quả thực thi. Nguyên tắc phân quyền này là ranh giới kỷ luật bắt buộc trong mô hình quản trị hiện đại nhằm đảm bảo hiệu lực điều hành và trách nhiệm rõ ràng đến từng vị trí.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Cơ cấu và số lượng

1. HĐQT gồm 05 (năm) thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm thông qua hình thức bỏ phiếu kín.

Điều 4. Nhiệm kỳ và tái nhiệm

1. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không giới hạn.
2. Nếu là thành viên HĐQT độc lập thì chỉ được làm tại một công ty tối đa 02 nhiệm kỳ liên tục.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên

1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc các trường hợp bị cấm quản lý doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty và có thể không là cổ đông.
3. Đối với thành viên độc lập, phải đáp ứng các điều kiện theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 6. Về trách nhiệm cá nhân và đánh giá mức độ hoàn thành của thành viên HĐQT.

1. Mỗi thành viên HĐQT chịu trách nhiệm trực tiếp trước Chủ tịch HĐQT, HĐQT và ĐHĐCĐ về các nhiệm vụ được giao theo QĐ phân công công tác của CT HĐQT.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm:
 - a) Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, nghiên cứu kỹ tài liệu, có chính kiến rõ ràng và biểu quyết minh bạch;
 - b) Tự đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ cá nhân định kỳ hoặc khi có yêu cầu;
 - c) Không né tránh, không đùn đẩy trách nhiệm và không đưa ra các quyết định thiếu cơ sở;
 - d) Bảo mật thông tin nội bộ và không sử dụng thông tin nội bộ vào mục đích cá nhân;
 - đ) Chịu kiểm điểm trước HĐQT trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ hoặc có hành vi

làm ảnh hưởng đến uy tín, hiệu quả hoạt động của HĐQT hoặc Tổng công ty.

- Việc đánh giá và kiểm điểm trách nhiệm thành viên: Được thực hiện định kỳ cuối năm, hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc ĐHĐCĐ. Kết quả đánh giá được lưu hồ sơ làm căn cứ cho các quyết định nhân sự, khen thưởng, kỷ luật hoặc đề cử nhiệm kỳ tiếp theo.

Chương III

CHỨC DANH CHỦ TỊCH VÀ THƯ KÝ HĐQT

Điều 7. Chủ tịch HĐQT

- Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu trong số các thành viên HĐQT.
- Không đồng thời kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.
- Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tổ chức, điều phối hoạt động của HĐQT; triệu tập và chủ trì các cuộc họp HĐQT; giám sát việc thực thi các nghị quyết và quyết định đã được thông qua.
- Quyền hạn và nghĩa vụ của chủ tịch HĐQT:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa các cuộc họp HĐQT.

Điều 8. Thư ký HĐQT

- HĐQT bổ nhiệm Thư ký giúp việc, có chức năng hỗ trợ tổ chức họp, ghi biên bản, lưu trữ hồ sơ và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật liên quan đến công bố thông tin.
- Thư ký HĐQT đồng thời là đầu mối hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc tiếp cận tài liệu, phối hợp và thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Chương IV

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

HĐQT thực hiện chức năng quản trị và giám sát, bao gồm nhưng không giới hạn các quyền sau:

- Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý và nhân sự cấp cao theo thẩm quyền;
- Xem xét, phê duyệt các dự án đầu tư, mua bán, sáp nhập, chuyển nhượng, bảo lãnh theo giới hạn giá trị tài sản do Điều lệ quy định;
- Triệu tập, chuẩn bị tài liệu và trình nội dung họp ĐHĐCĐ;

5. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức hoặc xử lý lỗ;
6. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng công ty;
7. Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền HĐQT theo luật định.

Điều 10. Tổ chức họp và biểu quyết

1. HĐQT họp định kỳ ít nhất một quý một lần và họp bất thường khi cần thiết.
2. Cuộc họp hợp lệ khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên tham dự.
3. Nghị quyết HĐQT được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên tán thành; trong trường hợp biểu quyết ngang nhau, ý kiến của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.

Điều 11. Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có thể lấy ý kiến thành viên bằng văn bản theo trình tự quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
2. Nghị quyết thông qua bằng hình thức này có giá trị pháp lý như được thông qua tại cuộc họp trực tiếp.

Chương V

THAY THẾ, BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 12. Miễn nhiệm và bãi nhiệm

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp: không còn đủ điều kiện, có đơn xin thôi việc được chấp thuận, hoặc theo quyết định của ĐHCĐ.
2. Thành viên bị bãi nhiệm nếu không tham gia họp HĐQT liên tục 6 tháng không có lý do chính đáng, hoặc có hành vi vi phạm nghĩa vụ theo luật định.

Điều 13. Bổ sung thành viên HĐQT

Trường hợp số lượng thành viên HĐQT giảm quá 1/3 hoặc không đảm bảo tỷ lệ thành viên độc lập, HĐQT phải triệu tập ĐHCĐ để bầu bổ sung trong vòng 60 ngày.

Chương VI

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Triệu tập họp

1. Chủ tịch HĐQT có quyền triệu tập cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của HĐQT.
2. Cuộc họp cũng có thể được triệu tập theo yêu cầu của:
 - a) Tổng Giám đốc;
 - b) Tối thiểu 02 thành viên HĐQT;
 - c) Trưởng Ban kiểm soát hoặc ít nhất 50% thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Thư mời họp phải được gửi đến các thành viên HĐQT chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp, kèm theo tài liệu và chương trình họp.

Điều 15. Hình thức và điều kiện họp

1. Cuộc họp HĐQT có thể được tổ chức bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến qua phương tiện điện tử.
2. Cuộc họp họp lệ khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên HĐQT tham dự. Thành viên HĐQT có thể ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT tham dự là không họp lệ.

Điều 16. Trình tự và biên bản cuộc họp

1. Chủ tịch HĐQT chủ trì cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, HĐQT bầu một thành viên khác chủ trì.
2. Cuộc họp được tiến hành theo trình tự đã ghi trong chương trình họp, các ý kiến phát biểu phải được ghi rõ trong biên bản.
3. Biên bản họp phải được thư ký ghi chép trung thực, đầy đủ và lưu trữ đúng quy định.
4. Biên bản phải được tất cả thành viên tham dự ký xác nhận. Trường hợp có thành viên không ký, phải nêu rõ lý do.

Điều 17. Thông qua nghị quyết

1. Nghị quyết HĐQT được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên HĐQT tán thành.
2. Trường hợp biểu quyết ngang nhau, quyết định cuối cùng thuộc về Chủ tịch HĐQT.
3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ thời điểm được thông qua hoặc thời điểm ghi rõ trong nghị quyết.

Chương VII

PHỐI HỢP VỚI BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Phối hợp với Ban điều hành

1. HĐQT ban hành nghị quyết và giao cho Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện. HĐQT chỉ giám sát, không tham gia điều hành trực tiếp.
2. Tổng Giám đốc định kỳ báo cáo kết quả thực hiện để HĐQT xem xét, đánh giá và chỉ đạo tiếp theo.

Điều 19. Phối hợp với Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm toán nội bộ

1. HĐQT và Ban kiểm soát/Ban kiểm toán nội bộ phối hợp công tác trên nguyên tắc tôn trọng chức năng giám sát độc lập, đảm bảo khách quan và hiệu quả.
2. HĐQT có trách nhiệm xem xét báo cáo, khuyến nghị của các cơ quan giám sát và chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh kịp thời.

TR
TY
G
Y
V
HA

CHƯƠNG VIII
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 20. Báo cáo về lợi ích liên quan và thu nhập

1. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ kê khai, báo cáo kịp thời, đầy đủ và chính xác các khoản thù lao, tiền thưởng, quyền lợi vật chất khác được nhận từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết và các tổ chức có liên quan.
2. Thành viên HĐQT phải báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất về các giao dịch giữa Tổng Công ty và:
 - a) Thành viên HĐQT đó hoặc người có liên quan của thành viên;
 - b) Doanh nghiệp mà thành viên là người sáng lập, là thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát hoặc giữ chức vụ quản lý trong 03 năm gần nhất.

Điều 21. Công khai thông tin và tuân thủ nghĩa vụ minh bạch

1. Thành viên HĐQT thực hiện công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty theo đúng quy định pháp luật.
2. Bất kỳ lợi ích nào có thể phát sinh xung đột với lợi ích của Công ty đều phải được công khai minh bạch, kịp thời với HĐQT và ĐHĐCĐ (nếu cần thiết).
3. Việc không báo cáo, công khai hoặc cố ý che giấu lợi ích liên quan được xem là hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên HĐQT và sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

Chương IX
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Hiệu lực và sửa đổi

1. Quy chế này gồm 09 (chín) Chương và 22 (hai mươi hai) Điều.
2. Mọi thành viên HĐQT và các bộ phận liên quan có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định và hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hoàng Vệ Dũng